

1. MỤC TIÊU

1.1. **Kiến thức.** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Phần I: Một số vấn đề về KT - XH thế giới.

+ Bài 1: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế xã hội của các nhóm nước.

+ Bài 2: Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.

+ Bài 4: Một số tổ chức quốc tế và khu vực, an ninh toàn cầu

- Phần II: Địa lí khu vực và quốc gia.

+ Bài 6: Tự nhiên, dân cư và xã hội Khu vực Mỹ La tinh

+ Bài 7: Kinh tế Khu vực Mỹ La tinh

1.2. **Kĩ năng:** Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

- Kĩ năng đọc Átlát. Kĩ năng vẽ, nhận xét biểu đồ và nhận diện biểu đồ (đường, cột).

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

Câu 1: Dựa vào Atlas địa lí thế giới trang 8, 9 em có nhận xét gì về sự khác biệt giữa 2 nhóm nước: Các nước phát triển và các nước đang phát triển?

Câu 2: Trình bày về một số tổ chức quốc tế hoặc khu vực?

Câu 3: Dựa vào Atlas địa lí thế giới trang 18, 19 em hãy xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Mĩ La Tinh?

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng:

Câu 1: Trình bày một đặc điểm xã hội của khu vực Mĩ La Tinh?

Câu 2: Nêu mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với ngành sản xuất nông nghiệp của khu vực Mĩ La Tinh?

2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1	Phần I: Một số vấn đề KTXH - Sự khác biệt về trình độ phát triển KTXH của các nhóm nước	2	2			4	
	- Toàn cầu hoá, khu vực hoá KT	2	2	1	1	6	
	- Một số tổ chức quốc tế và khu vực, an ninh toàn cầu	2	1	1	1	5	
2	Phần II: Địa lí khu vực, quốc gia - Tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Mỹ Latinh	3	2			5	
	- Kinh tế khu vực Mỹ Latinh	2	2			4	
3	- Vẽ, nhận xét BĐ- Vẽ, nhận xét BĐ						1
Tổng		11	9	2	2	24	1

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Câu 1. Nhóm nước phát triển có

A. thu nhập bình quân đầu người cao.

C. chỉ số phát triển con người còn thấp.

B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.

D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 2. Nhóm nước đang phát triển có

A. thu nhập bình quân đầu người cao.

C. chỉ số phát triển con người còn thấp.

B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao.

D. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

A. GDP bình quân đầu người cao.

C. Chỉ số phát triển con người cao.

B. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.

D. Còn có nợ nước ngoài nhiều.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. GDP bình quân đầu người thấp.
- B. Chỉ số phát triển con người thấp.
- C. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ.
- D. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.

Câu 5. Nước công nghiệp mới là những nước đang phát triển đã trải qua quá trình

- A. đô thị hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp, đô thị nhất định.
- B. công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- C. chuyên môn hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- D. liên hợp hóa và đã đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

Câu 6. Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở

- A. châu Âu.
- B. Bắc Mỹ.
- C. châu Phi.
- D. Bắc Á.

Câu 7. Các nước đang phát triển phân biệt với các nước phát triển bởi một trong những tiêu chí là

- A. GDP bình quân đầu người thấp hơn nhiều.
- B. đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ở mức cao.
- C. chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI) cao.
- D. dịch vụ có tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

Câu 8. Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh vào

- A. công nghiệp hóa.
- B. đô thị hóa.
- C. xuất khẩu.
- D. dịch vụ.

Câu 9. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- D. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.

Câu 10. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.
- B. chỉ số HDI vào loại rất cao.
- C. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
- D. tuổi thọ trung bình khá thấp.

Câu 11. Dựa vào Atlas địa lí thế giới trang 8, 9 cho biết nước nào dưới đây có thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới năm 2015?

- A. Singapo.
- B. CHDC Công Gô.
- C. Hoa Kỳ.
- D. Cata.

Câu 12. Dựa vào Atlas địa lí thế giới trang 8, 9 cho biết nước nào dưới đây có ít dân nhất thế giới năm 2014?

- A. Mônacô.
- B. Nauru.
- C. Nhật Bản.
- D. Vatican.

Câu 13. Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới **không** phải về

- A. kinh tế.
- B. văn hóa.
- C. khoa học.
- D. chính trị.

Câu 14. Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.
- B. tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.
- C. đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.
- D. đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng giữa các nước.

Câu 15. Các nước nhận đầu tư có cơ hội để

- A. tận dụng các lợi thế tài nguyên.
- B. sử dụng đất đai, lao động giá rẻ.
- C. thu hút vốn, tiếp thu công nghệ.
- D. sử dụng ưu thế thị trường tại chỗ.

Câu 16. Biểu hiện của Thương mại Thế giới phát triển mạnh là

- A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.
- B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.
- C. vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng rất lớn.
- D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò của các công ti xuyên quốc gia?

- A. Hoạt động ở nhiều quốc gia khác nhau.
- B. Sở hữu nguồn của cải vật chất rất lớn.
- C. Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng.
- D. Phụ thuộc nhiều vào chính phủ các nước.

Câu 18. Tác động tích cực của của toàn cầu hóa kinh tế **không** phải là

- A. làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.
- B. đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.
- C. thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- D. tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tác động của toàn cầu hóa đến các nước đang PT?

- A. Tạo điều kiện chuyển giao các thành tựu mới về khoa học công nghệ.

- B. Tạo cơ hội để các nước thực hiện việc đa phương hóa quan hệ quốc tế.
- C. Tạo cơ hội để các nước nhận công nghệ mới từ các nước phát triển cao.
- D. Tạo điều kiện để xuất khẩu các giá trị văn hóa sang các nước phát triển.

Câu 20. Khu vực hóa kinh tế **không** dẫn đến

- A. tăng cường tự do hóa thương mại ở trong khu vực.
- B. thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường các quốc gia.
- C. tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.
- D. xung đột và cạnh tranh giữa các khu vực với nhau.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lợi ích do khu vực hóa kinh tế mang lại?

- A. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường của các quốc gia.
- B. Tạo lập những thị trường chung của khu vực rộng lớn.
- C. Gia tăng sức ép cho mỗi quốc gia về tính tự chủ kinh tế.
- D. Tăng cường thêm quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

Câu 22: Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
- C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 23: Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
- C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 24: Tổ chức nào sau đây cung cấp những khoản vay nhằm thúc đẩy kinh tế cho các nước đang phát triển?

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ tiền Tệ quốc tế (IMF).
- C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 25: Tổ chức nào sau đây có mục đích là xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng và thuận lợi?

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
- C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

PHẦN II: ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

Câu 1: Khu vực Mỹ Latinh gồm

- A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- C. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
- D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.

Câu 2: Khu vực Mỹ Latinh có phía bắc giáp với

- A. Hoa Kỳ. B. Ca-na-đa. C. quần đảo Ăng-ti lớn. D. quần đảo Ăng-ti nhỏ.

Câu 3: Khu vực Mỹ Latinh có phía đông giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Nam Đại Dương.

Câu 4: Khu vực Mỹ Latinh có phía tây giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Nam Đại Dương.

Câu 5. Phần lớn lãnh thổ khu vực Mỹ Latinh nằm ở trong vùng

- A. nhiệt đới và cận xích đạo. B. ôn đới và cận nhiệt đới.
- C. cận nhiệt đới và nhiệt đới. D. cận xích đạo và xích đạo.

Câu 6: Eo đất Trung Mỹ

- A. có núi cao phía tây, đồng bằng phía đông. B. có các núi lửa và đồng bằng phù sa sông.
- C. nhiều cao nguyên và những đỉnh núi cao. D. nhiều sơn nguyên, núi cao, đồng bằng lớn.

Câu 7. Các đồng bằng ven vịnh Mê-hi-cô có thuận lợi chủ yếu để phát triển những ngành nào sau đây?

- A. Khai thác quặng sắt, chăn nuôi, du lịch. B. Khai thác dầu khí, đánh bắt cá, du lịch.
- C. Khai thác vàng, chăn nuôi, lâm nghiệp. D. Khai thác dầu khí, trồng trọt và du lịch.

Câu 8. Các đồng bằng nào sau đây có giá trị cao về thảm rừng xích đạo?

- A. Pam-pa và La Pla-ta. B. La Pla-ta và Ô-ri-nô-cô.
- C. Ô-ri-nô-cô và A-ma-dôn. D. A-ma-dôn và Pam-pa.

Câu 9. Các đồng bằng nào sau đây nằm trong đới khí hậu ôn hòa?

- A. Pam-pa và La Pla-ta. B. La Pla-ta và Ô-ri-nô-cô.
 C. Ô-ri-nô-cô và A-ma-dôn. D. A-ma-dôn và Pam-pa.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng về sơn nguyên Bra-xin?

- A. Nhiều núi cao xen thung lũng, có đất đỏ núi lửa, khí hậu nóng ẩm.
 B. Nhiều dãy núi cao, cao nguyên, có đất đỏ núi lửa, khí hậu nóng ẩm.
 C. Nhiều đồi thấp xen thung lũng, có đất đỏ núi lửa, khí hậu nóng ẩm.
 D. Nhiều đồng bằng rộng ở giữa núi, có đất đỏ núi lửa, khí hậu ôn hòa.

Câu 11. Thảm thực vật tiêu biểu ở khu vực Mỹ Latinh là

- A. rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm. B. rừng thưa, cây bụi lá cứng và xavan.
 C. rừng lá kim, rừng thưa, thảo nguyên. D. rừng lá rộng ôn đới, cây bụi, xavan.

Câu 12. Mỹ Latinh là khu vực có tỉ lệ dân thành thị

- A. rất cao và tăng nhanh. B. rất cao và tăng chậm.
 C. khá cao và tăng chậm. D. nhỏ và gia tăng nhanh.

Câu 13. Dân cư Mỹ Latinh thuận lợi về

- A. cung cấp nguồn lao động và thị trường tiêu thụ rộng.
 B. đáp ứng lao động trình độ cao và nhiều ở các đô thị.
 C. lực lượng lao động nông thôn đông đảo, văn hóa cao.
 D. số người trong độ tuổi lao động nhiều, dân trí rất cao.

Câu 14. Tốc độ phát triển GDP của Mỹ Latinh không đều qua các năm chủ yếu do

- A. tình hình chính trị thường xuyên bất ổn định. B. thị trường thế giới thường xuyên biến động.
 C. nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt. D. nguồn lao động kỹ thuật cao không bổ sung.

Câu 15. Khu vực Mỹ Latinh có kinh tế còn chậm phát triển chủ yếu do

- A. chính trị thiếu ổn định, quản lý yếu, tham nhũng nhiều.
 B. bạo lực và tệ nạn ma túy, dân trí chưa cao, tham nhũng.
 C. lạm phát, nạn tham nhũng, tỉ lệ thất nghiệp còn khá lớn.
 D. quản lý yếu, gán kết trong khu vực yếu, nạn tham nhũng.

Câu 16. Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ Latinh là

- A. nông nghiệp. B. công nghiệp. C. dịch vụ. D. xây dựng.

Câu 17. Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp ở khu vực Mỹ Latinh là

- A. hộ gia đình. B. hợp tác xã. C. trang trại. D. vùng nông nghiệp.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

BẢNG 1.1. CƠ CẤU KINH TẾ BRA-XIN NĂM 2000 VÀ NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2000	4,8	23,0	58,3	13,9
2019	5,9	17,7	62,9	13,5

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện cơ cấu kinh tế của Bra-xin năm 2000 và năm 2019?

- A. Cột. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 19. Cho bảng số liệu:

BẢNG 1.2. KHAI THÁC DẦU MỎ CỦA MỘT SỐ NƯỚC MỸ LATINH

Quốc gia	Sản lượng (nghìn thùng/ngày)	Xếp hạng trên thế giới
Bra-xin	2800	10
Mê-hi-cô	2100	12
Cô-lôm-bi-a	886	20
Vê-nê-xu-ê-la	877	21
Ê-cu-a-đo	531	28
Ac-hen-ti-na	531	28

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ của một số nước Mỹ Latinh năm 2000?

- A. Cột. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 20. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ Latinh là

- A. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. B. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
C. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. D. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

Câu 21. Nguyên nhân chủ yếu làm kinh tế nhiều nước ở Mỹ Latinh hiện nay giảm sút là

- A. thể chế còn yếu kém, vẫn nạn tham nhũng tràn lan.
B. tập trung cho khai khoáng và xuất khẩu tài nguyên.
C. đại dịch COVID-19 và người nông dân không có đất.
D. đô thị hóa tự phát, lạm phát và tham nhũng nhiều.

Câu 22. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ Latinh hiện nay là

- A. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.
B. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.
D. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.

Câu 23. Mỹ Latinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu do

- A. có nhiều thành phần dân tộc. B. có người bản địa và da đen.
C. nhiều quốc gia nhập cư đến. D. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.

Câu 24. Khu vực Mỹ Latinh có

- A. dân số ít, cơ cấu dân số rất già. B. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.
C. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ. D. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.

Câu 25. Do đô thị hóa tự phát nên dân đô thị ở khu vực Mỹ Latinh

- A. ổn định việc làm, không gian cư trú rộng, thu nhập rất thấp.
B. thất nghiệp đông, thu nhập thấp, môi trường sống không tốt.
C. chủ yếu là làm thuê, mức sống thấp, điều kiện sống khá tốt.
D. thiếu việc làm, dân trí thấp, thu nhập khá tốt và rất ổn định.

2.5. Đề minh họa (ra một đề minh họa theo đúng ma trận đã thống nhất)

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ Mã đề thi: 01	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - LỚP 11 NĂM HỌC 2023 - 2024 Môn: ĐỊA LÍ Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)
---	---

Họ, tên thí sinh:.....Lớp.....

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6 điểm)

(Chọn một đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau)

Câu 1. Nhóm nước đang phát triển có

- A. thu nhập bình quân đầu người cao. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp. D. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. GDP bình quân đầu người thấp. B. Chỉ số phát triển con người thấp.
C. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ. D. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.

Câu 3. Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh

- A. công nghiệp hóa. B. đô thị hóa. C. xuất khẩu. D. dịch vụ.

Câu 4. Dựa vào Atlas địa lí thế giới trang 8, 9 cho biết nước nào dưới đây có thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới năm 2015?

- A. Singapo. B. CHDC Công Gô. C. Hoa Kỳ. D. Cata.

Câu 5. Khu vực hóa kinh tế **không** dẫn đến

- A. tăng cường tự do hóa thương mại ở trong khu vực.
B. thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường các quốc gia.
C. tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.
D. xung đột và cạnh tranh giữa các khu vực với nhau.

- Câu 6.** Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- Câu 7.** Tổ chức nào sau đây có mục đích là xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng và thuận lợi?
A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- Câu 8.** Vấn đề nào hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?
A. Xung đột sắc tộc. **B.** Xung đột tôn giáo. **C.** Các vụ khủng bố. **D.** Buôn bán vũ khí.
- Câu 9.** Tác động của đại dịch COVID-19 đến kinh tế toàn cầu là
A. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. **B.** làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
C. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới. **D.** giảm thu nhập của những người lao động.
- Câu 10.** Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là
A. xung đột sắc tộc. **B.** xung đột tôn giáo.
C. biến đổi khí hậu. **D.** các vụ khủng bố.
- Câu 11.** Tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào sau đây hiện nay có số dân đông nhất?
A. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
C. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
D. Liên minh châu Âu (EU).
- Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lợi ích do khu vực hóa kinh tế mang lại?
A. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường của các quốc gia.
B. Tạo lập những thị trường chung của khu vực rộng lớn.
C. Gia tăng sức ép cho mỗi quốc gia về tính tự chủ kinh tế.
D. Tăng cường thêm quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.
- Câu 13.** Khu vực Mỹ La tinh gồm
A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
C. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.
- Câu 14.** Eo đất Trung Mỹ
A. có núi cao phía tây, đồng bằng phía đông. **B.** có các núi lửa và đồng bằng phù sa sông.
C. nhiều cao nguyên và những đỉnh núi cao. **D.** nhiều sơn nguyên, núi cao, đồng bằng lớn
- Câu 15.** Các đồng bằng nào sau đây có giá trị cao về thảm rừng xích đạo?
A. Pam-pa và La Pla-ta. **B.** La Pla-ta và Ô-ri-nô-cô.
C. Ô-ri-nô-cô và A-ma-dôn. **D.** A-ma-dôn và Pam-pa.
- Câu 16.** Dân cư Mỹ La tinh thuận lợi về
A. cung cấp nguồn lao động và thị trường tiêu thụ rộng.
B. đáp ứng lao động trình độ cao và nhiều ở các đô thị.
C. lực lượng lao động nông thôn đông đảo, văn hóa cao.
D. số người trong độ tuổi lao động nhiều, dân trí rất cao.
- Câu 17.** Khu vực Mỹ La tinh có kinh tế còn chậm phát triển chủ yếu do
A. chính trị thiếu ổn định, quản lý yếu, tham nhũng nhiều.
B. bạo lực và tệ nạn ma túy, dân trí chưa cao, tham nhũng.
C. lạm phát, nạn tham nhũng, tỉ lệ thất nghiệp còn khá lớn.
D. quản lý yếu, gắn kết trong khu vực yếu, nạn tham nhũng.
- Câu 18.** Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp ở khu vực Mỹ Latinh là
A. hộ gia đình. **B.** hợp tác xã. **C.** trang trại. **D.** vùng nông nghiệp.
- Câu 19.** Cho bảng số liệu: CẤU KINH TẾ BRA-XIN NĂM 2000 VÀ NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2000	4,8	23,0	58,3	13,9
2019	5,9	17,7	62,9	13,5

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện cơ cấu kinh tế của Bra-xin năm 2000 và năm 2019?

- A. Cột. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 20. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La tinh là

- A. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. B. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
C. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. D. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

Câu 21. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ Latinh hiện nay là

- A. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.
B. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.
D. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.

Câu 22. Mỹ La tinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu do

- A. có nhiều thành phần dân tộc. B. có người bản địa và da đen.
C. nhiều quốc gia nhập cư đến. D. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.

Câu 23. Do đô thị hóa tự phát nên dân đô thị ở khu vực Mỹ Latinh

- A. ổn định việc làm, không gian cư trú rộng, thu nhập rất thấp.
B. thất nghiệp đồng, thu nhập thấp, môi trường sống không tốt.
C. chủ yếu là làm thuê, mức sống thấp, điều kiện sống khá tốt.
D. thiếu việc làm, dân trí thấp, thu nhập khá tốt và rất ổn định.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

KHAI THÁC DẦU MỎ CỦA MỘT SỐ NƯỚC MỸ LA TINH

Quốc gia	Sản lượng (nghìn thùng/ngày)	Xếp hạng trên thế giới
Bra-xin	2800	10
Mê-hi-cô	2100	12
Cô-lôm-bi-a	886	20
Vê-nê-xu-ê-la	877	21
Ê-cu-a-đo	531	28
Ac-hen-ti-na	531	28

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ của một số nước Mỹ Latinh năm 2000?

- A. Cột. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

PHẦN II. KĨ NĂNG (4 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của Braxin giai đoạn 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
GDP (tỉ USD)	655,5	891,6	2208,9	1802,2	1873,3	1448,6

- Vẽ biểu đồ (cột) thể hiện Quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của Braxin giai đoạn 2000 - 2020 (2 điểm)
- Nhận xét về biểu đồ đã vẽ. (2 điểm)

HẾT

Học sinh chỉ được dùng Atlas thế giới. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Hoàng Mai, ngày 5 tháng 10 năm 2023
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG